

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **07/2021/HS-ST**

Ngày: 11/01/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Văn Lầy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hưng Quang – Cán bộ hưu trí

2. Bà Nguyễn Hoàng Bích Loan – Phó Chủ tịch Hội nông dân huyện T

- Thư ký phiên tòa: ông Văn Hồng Lễ - Thư ký tòa án huyện T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Trần Hải Điền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 132/2020/HSST, ngày 12/11/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, đối với bị cáo:

1/ Họ và tên: **Võ Xuân D** (Tên gọi khác: Tý), Giới tính: Nam; sinh: 1994, tại tỉnh Bình Thuận; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: khu phố H, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: làm thuê; Tiền án, tiền sự: không; Con ông: Võ Văn N, sinh năm 1971 và bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1970 hiện ở: khu phố H, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Anh, chị, em ruột: có 02 người. Lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 2002; Vợ: Sống chung như vợ chồng với người tên Tr (không rõ họ), sinh năm 1995, hiện nay không còn sống chung nữa; Con: 01 người, sinh năm 2018; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26.6.2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện T; Có mặt.

Quá trình hoạt động nhân thân: Ngày 11.11.2015 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 09 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo bản án số 109/2015/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 23.4.2016 (đã xóa án tích).

2/ Họ và tên: **Hồ Thanh L** (Tên gọi khác: L Lé), Giới tính: Nam; sinh: 1996, tại tỉnh Bình Thuận; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn B, xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Thuận; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: không; Tiền án: 01 tiền án: Ngày 16.12.2016 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Thuận xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp

tài sản” theo bản án số 77/2016/HSST. Tổng hợp hình phạt của Bản án hình sự số 42/2015/HSST ngày 29/6/2015 xử phạt Hồ Thanh L 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”, buộc Hồ Thanh L phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 03 năm 03 tháng tù, chấp hành xong hình phạt từ ngày 30.10.2018 (chưa được xóa án tích); Tiền sự: không; Con ông: Hồ Thanh Đ, sinh năm 1961, con bà: Đỗ Thị S, sinh năm: 1968 hiện ở thôn B, xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Thuận; Anh, chị, em ruột: có 03 người. Lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1991; Vợ, con: chưa có; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 14.8.2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện T; Có mặt

- Người bị hại:

1/ Phạm Thị L1 , sinh năm 1970; Địa chỉ: khu phố 5, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Có mặt;

2/ Nguyễn Thị Túy L2 , sinh năm 1970; Địa chỉ: khu phố Song Thanh 2, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Có mặt;

3/ Lê Chí D1, sinh năm 1971; Địa chỉ: khu phố 2, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Xuân D, sinh 1994, trú tại: khu phố H, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận cùng với Hồ Thành L thực hiện 01 vụ cướp giết tài sản và Võ Xuân D đã một mình thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau :

Vụ thứ nhất : Khoảng 11 giờ ngày 13.5.2020 do không có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng nên Võ Xuân D điều khiển xe mô tô hiệu Taurus màu đỏ đen biển số 78L2-1688 đi đến nhà của Hồ Thành L (sinh: 1996) trú tại thôn B, xã Ph, huyện B, Bình Thuận rủ L đi cướp giết tài sản, L đồng ý. D điều khiển xe mô tô chở L chạy theo hướng Quốc lộ 1A chạy đến vòng xoay ngã 5 thuộc khu phố 5, thị trấn L, huyện T và tiếp tục điều khiển xe mô tô chở L đến khu vực Công viên thuộc khu phố 05, thị trấn L, huyện T. D và L nhìn thấy Phạm Thị L1 đang dừng xe đạp điện bên lề đường, trong giỏ xe đạp điện có 01 chiếc giỏ xách. D điều khiển xe mô tô chở L chạy vượt qua mặt L1, sau đó D điều khiển xe quay đầu lại và dừng xe đứng phía sau vị trí L1 đang đứng để quan sát. L1 điều khiển xe đạp điện chạy đi, D điều khiển xe mô tô chở L chạy theo phía sau. L1 điều khiển xe đạp điện rẽ vào đường hẻm được một đoạn, D và L quan sát xung quanh không có người nên D liền điều khiển xe mô tô chạy nhanh đến và áp sát vào bên trái xe của L1, L ngồi phía sau dùng tay phải giật mạnh lấy chiếc giỏ xách bên trong giỏ xe đạp điện của L1. D thấy L giật được giỏ xách của L1 liền nhanh chóng điều khiển xe máy chạy theo hướng đường Võ Thị Sáu đi đến khu vực Đồi dương thuộc xã T, huyện T. D điều khiển xe mô tô chạy vào khu vực rầy vắng người, D và L cùng lấy chiếc giỏ xách vừa cướp giết được ra kiểm tra và nhìn thấy bên trong có 02 chiếc bóp nhỏ có tiền, D lấy tiền và vứt bỏ giỏ xách cùng bóp tiền vào bụi rậm. Sau đó,

D điều khiển xe mô tô chở L về nhà D tại khu phố H, thị trấn P, huyện T, D và L vào phòng ngủ của D và cùng nhau kiểm tra số tiền vừa cướp giật được 8.000.000 đồng và chia nhau mỗi người được 4.000.000 đồng. Ngày 25.6.2020 Võ Xuân D tự nguyện giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện T 01 chiếc áo Jean dài tay màu đen D mang đi cướp giật vào ngày 13.5.2020.

Vụ thứ hai : Khoảng rạng sáng ngày 24.6.2020, Võ Xuân D đang điều khiển xe mô tô trên đường về nhà thì nhìn thấy Lê Chí D1 và một người đàn ông tên T1 đang sửa xe máy bị hỏng, D giúp D1 đẩy xe của D1 về nhà của Nguyễn Thị Thúy L2 tại khu phố Song Thanh 2, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận. D quan sát thấy nhà L2 không khóa cửa và không có người trong coi nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. D điều khiển xe mô tô về nhà tại khu phố H, thị trấn P sau đó quay lại nhà L2, D nhìn thấy Lê Chí D1 đang nằm ngủ tại võng trước nhà, trên bàn ghế đá có 01 điện thoại di động Samsung màu hồng nên D đã lấy chiếc điện thoại di động cầm trên tay. Sau đó D nhìn thấy cửa nhà L2 chỉ khép hờ nên đã lén lút bí mật đi vào bên trong nhà đến phòng ngủ của L2, D nhìn thấy L2 đang ngủ say và trên bàn trong phòng ngủ có 01 điện thoại di động Xiaomi Redmi 5 màu vàng, 01 điện thoại di động Iphone 6s màu xám và 01 túi xách màu nâu bên trong có tiền, D lấy 03 chiếc điện thoại di động vừa trộm cắp bỏ vào bên trong túi xách. Tiếp tục D nhìn thấy có 01 túi xách màu đen để gần vị trí D đang đứng, D lấy túi xách màu đen kiểm tra bên trong có 01 sấp tiền mặt và 01 chiếc bóp nhỏ bên trong có 01 phong bì màu đỏ bên trong có 01 tờ tiền mệnh giá 100USD. D lấy tất cả số tài sản trên và điều khiển xe mô tô đi đến khu vực cầu Sông Lũy, thị trấn P, D kiểm tra số tiền bên trong túi xách màu nâu và màu đen được tổng cộng 9.800.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 100USD. D giữ lại 01 điện thoại di động Xiaomi Redmi 5 màu vàng để sử dụng, riêng 01 điện thoại Iphone 6s màu xám và 01 điện thoại Samsung màu hồng nhặt bị bể màn hình D vứt bỏ xuống sông, số tiền 9.800.000 đồng D dùng để tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng. Đối với 01 tờ tiền mệnh giá 100USD, D đổi cho 01 người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch) được số tiền 1.700.000 đồng. Ngày 25.6.2020 Võ Xuân D tự nguyện giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện T xe mô tô hiệu Taurus màu đỏ đen biển số 78L2-1688 là xe mô tô D sử dụng để đi cướp giật tài sản vào ngày 13.5.2020 và đi trộm cắp tài sản vào ngày 24.6.2020 và 01 điện thoại di động Xiaomi Redmi 5 màu vàng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 97/KL-HĐĐG ngày 13.10.2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận:

+ 01 điện thoại di động Xiaomi Redmi 5 màu vàng, trị giá:

2.690.000 đồng/chiếc x 60% = 1.614.000 đồng

+ 01 điện thoại di động Iphone 6s màu xám, trị giá:

2.799.000 đồng/chiếc x 70% = 1.959.300 đồng

Riêng đối với điện thoại di động Samsung màu hồng do chưa thu hồi được nên không rõ thông số kỹ thuật, bị hại không cung cấp được hóa đơn, chứng từ mua bán, do đó Hội đồng định giá không có cơ sở để định giá tài sản nêu trên.

- Tổng giá trị tài sản định giá: 3.573.300 đồng

Tại bản kết luận định giá tài sản số 116/KL-HĐĐG ngày 20.10.2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận:

+ 01 tờ tiền mệnh giá 100USD theo công bố tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam đối với Đô la Mỹ là 23,228 VNĐ/ 1USD:

$100 \text{ USD} \times 23.228 = 2.322.800 \text{ đồng}$

=> Như vậy, Võ Xuân D đã trộm cắp tài sản có tổng trị giá :

$9.800.000 \text{ đồng} + 3.573.300 \text{ đồng} + 2.322.800 \text{ đồng} = 15.696.100 \text{ đồng}.$

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T: Vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố theo Cáo trạng số136/CT-VKS-TP ngày 12/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Võ Xuân D phạm tội: “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 và tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 171, khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Võ Xuân D mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội “ Cướp giật tài sản” và mức án từ 06 tháng đến 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

Buộc bị cáo D phải chấp hành hình phạt cho 02 tội từ 04 năm đến 05 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt.

Tuyên bố bị cáo Hồ Thanh L phạm tội: “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Hồ Thanh L mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù, thời hạn tù tính từ bắt thi hành án.

Về tang vật chứng: Sau khi định giá, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại 01 điện thoại di động Xiaomi Redmi 5 màu vàng cho Nguyễn Thị Thúy L2 là chủ sở hữu theo quy định của pháp luật. Đã chuyển vào kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện T 01 chiếc áo Jean dài tay màu đen thu giữ của Võ Xuân D. Do bị cáo không yêu cầu nhận lại, xét thấy đây là vật có giá trị sử dụng thấp nên tịch thu, tiêu hủy.

Đối với xe mô tô hiệu Taurus màu đỏ đen biển số 78L2-1688 là xe của Nguyễn Thị T2 (mẹ ruột của D) cho Võ Xuân D mượn, do Tuyết không biết D sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện T đã trả lại cho Nguyễn Thị T2 theo quy định pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Hồ Thanh L đã cùng với gia đình tự nguyện bồi thường 4.000.000 đồng cho người bị hại Phạm Thị L1. Tại phiên tòa Phạm Thị

L1 yêu cầu bị cáo Võ Xuân D bồi thường cho L1 số tiền 4.000.000 đồng, bị cáo D đồng ý bồi thường nên ghi nhận, buộc bị cáo D phải bồi thường cho L1 4.000.000 đồng; Người bị hại Nguyễn Thị Thúy L2 yêu cầu bị cáo D bồi thường số tiền 14.082.100 đồng, bị cáo D đồng ý bồi thường nên ghi nhận, buộc bị cáo D phải bồi thường cho Nguyễn Thị Thúy L2 số tiền 14.082.100 đồng; Người bị hại Lê Chí D1 không yêu cầu bị cáo D bồi thường chiếc 01 điện thoại Samsung màu hồng nhạt (không thu hồi được) nên không xem xét giải quyết.

Các bị cáo không trình bày lời bào chữa và đồng ý quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện T.

Các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo vì bị cáo đã nhận thức được lỗi lầm của bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện T: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[2] Về chứng cứ buộc tội bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng số 136/CT-VKS-TP, ngày 12/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố. Các bị cáo khẳng định những lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra là hoàn toàn tự nguyện, đúng sự thật, các bị cáo không bị bức cung và cáo trạng truy tố là đúng, không oan cho các bị cáo. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những bị hại, người làm chứng, cũng như các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Đây là vụ án “Cướp giật tài sản” và “Trộm cắp tài sản” xảy ra vào khoảng hơn 11 giờ ngày 13/5/2020 tại khu phố 5, thị trấn L, huyện T và rạng sáng ngày 24/6/2020 tại khu phố 2, thị trấn P huyện T. Do bị cáo Võ Xuân D và Hồ Thanh L đã cùng nhau thống nhất ý chí điều khiển xe mô tô hiệu Taurus màu đỏ đen biển số 78L2-1688 cướp giật 01 chiếc giỏ xách bên trong có

8.000.000 đồng của Phạm Thị L1. Tiếp tục, Võ Xuân D đã lén lút bí mật trộm cắp gồm: số tiền 9.800.000 đồng, 01 điện thoại di động Xiaomi Redmi 5 màu vàng, 01 điện thoại Iphone 6s màu xám và 01 điện thoại Samsung màu hồng nhạt cùng với 01 tờ tiền mệnh giá 100USD có tổng trị giá 15.696.100 đồng của Nguyễn Thị Thúy L2 và Lê Chí D1 thì bị phát hiện bắt giữ.

Vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, bị cáo Võ Xuân D và bị cáo Hồ Thanh L đều cùng thống nhất ý chí dùng chiếc xe mô tô đi cướp giật, đây là nguồn nguy hiểm cao độ nên đã đủ yếu tố cấu thành tội cướp giật tài sản có tính tiết định khung hình phạt quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là dùng thủ đoạn nguy hiểm và đồng thời các bị cáo phải chịu xử lý trách nhiệm hình sự chung đối với toàn bộ hành vi và hậu quả xảy ra trong vụ Cướp giật tài sản. Ngoài ra, bị cáo Võ Xuân D còn phải chịu trách nhiệm hình sự riêng đối với vụ Trộm cắp tài sản mà bị cáo đã gây ra.

Vì vậy, Cáo trạng số 136/CT-VKS-TP ngày 12/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Võ Xuân D phạm vào tội: “Cướp giật tài sản” quy định điểm d tại khoản 2 Điều 171 và tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Truy tố bị cáo Hồ Thanh L phạm vào tội: “Cướp giật tài sản” quy định điểm d tại khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Các bị cáo là công dân có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo nhận thức được hành vi cướp giật tài sản và trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật bị pháp luật nghiêm cấm bị nghiêm cấm, vì muốn có tiền tiêu xài cho cá nhân nên cả hai bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở thiếu cảnh giác của người khác để nhằm chiếm đoạt tài sản bán để lấy tiền tiêu xài và sử dụng cho mục đích khác. Hành vi phạm tội nêu trên của các bị cáo là hành động rất nguy hiểm có thể nguy hại đến tính mạng, sức khỏe của người khác và xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần xử lý các bị cáo nghiêm minh, nhằm răn đe, giáo dục tội phạm chung, vì vậy cần phải tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội.

Tuy nhiên trong vụ án cướp giật tài sản bị cáo D là người rủ rờ nên xử lý bị cáo mức án cao hơn so với bị cáo L tham gia với vai trò giúp sức.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Võ Xuân D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Riêng bị cáo Hồ Thanh L có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội do lỗi cố ý nên bị cáo L phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuy nhiên trong quá trình điều tra cũng như tại

phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị hại Phạm Thị L1 xin giảm nhẹ 01 phần hình phạt cho các bị cáo, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Riêng bị cáo L đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại Phạm Thị L1, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên cũng xem xét giảm nhẹ cho bị cáo 01 phần hình phạt để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Đối với người đàn ông đã đòi tiền cho bị cáo D, do không rõ nhân thân lai lịch nên sẽ tiếp tục xác minh làm rõ, để xử lý sau.

[5] Về ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện T:

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên ghi nhận để xem xét.

[6] Về tang vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại 01 điện thoại di động Xiaomi Redmi 5 màu vàng cho Nguyễn Thị Thúy L2 là chủ sở hữu theo quy định của pháp luật nên không xem xét.

Đối với 01 chiếc áo Jean dài tay màu đen thu giữ của bị cáo Võ Xuân D, do bị cáo không yêu cầu trả lại, xét thấy đây là vật dùng có giá trị không lớn, nên tịch thu, tiêu hủy.

Riêng xe mô tô hiệu Taurus màu đỏ đen biển số 78L2-1688 là xe của Nguyễn Thị Tuyết (mẹ ruột của bị cáo D) cho Võ Xuân D mượn, do Tuyết không biết bị cáo D sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện T đã trả lại cho Nguyễn Thị T2 theo quy định pháp luật nên không xem xét nữa.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Hồ Thanh L đã cùng với gia đình tự nguyện bồi thường 4.000.000 đồng cho người bị hại Phạm Thị L1.

Tại phiên tòa Phạm Thị L1 yêu cầu chỉ bị cáo Võ Xuân D bồi thường thêm cho L1 số tiền 4.000.000 đồng, bị cáo D đồng ý bồi thường theo yêu cầu của L1 nên ghi nhận, buộc bị cáo D phải bồi thường cho L1 4.000.000đ (bốn triệu đồng);

Tại phiên tòa người bị hại Nguyễn Thị Thúy L2 yêu cầu bị cáo D bồi thường số tiền 14.082.100 đồng, bị cáo D đồng ý bồi thường cho L2 nên ghi nhận, buộc bị cáo D phải bồi thường cho L1 14.082.100đ;

Riêng người bị hại Lê Chí D1 không yêu cầu bị cáo D bồi thường chiếc 01 điện thoại Samsung màu hồng nhạt (không thu hồi được) nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Các bị cáo D và bị cáo L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: bị cáo **Võ Xuân D** phạm tội: “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 và phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 171 và khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 55; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Võ Xuân D 04** (bốn) năm tù về tội cướp giật tài sản;

Xử phạt: Bị cáo **Võ Xuân D 09** (chín) tháng tù về tội trộm cắp tài sản;

Tổng hợp hình phạt đối với 02 tội, buộc bị cáo Võ Xuân D phải chấp hành **04 (bốn) năm 09 (chín) tháng** tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (ngày 26/6/2020)

[2] Tuyên bố: bị cáo **Hồ Thanh L** phạm tội: “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Hồ Thanh L 03** (ba) năm **06 (sáu) tháng** tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (ngày 14/8/2020)

[3] Biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tổ tụng hình sự. Tịch thu, tiêu hủy 01 chiếc áo Jean dài tay màu đen (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T)

[4] Trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ Luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) Điều 357, Điều 468, Điều 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Võ Xuân D phải có trách nhiệm bồi thường cho Phạm Thị L1 số tiền **4.000.000 đồng** (bốn triệu đồng) và bồi thường cho Nguyễn Thị Thúy L2 số tiền **14.082.100 đồng** (mười bốn triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, một trăm đồng) khi bản án có hiệu lực pháp luật,

Khi có đơn yêu cầu của người được thi hành án, người phải thi hành án phải có trách nhiệm trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tổ tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo D và L mỗi người phải nộp **200.000 đ** (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo D phải nộp **904.000đ** (chín trăm lẻ bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt các bị cáo, người bị hại, báo cho họ biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Công an huyện T;
- Bị cáo,
- Người bị hại;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lý Văn Lấy